TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HS - ST
Ngày 23/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Xuân Tựu**

Bà **Lý Thị Thịnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hứa Thị Hiện** - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông **Ma Thế Thiện** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2026/TLST-HS, ngày 31 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Bùi Xuân K, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2005 tại tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H và bà Dương Thị Đ; vợ, con. Chưa có

Tiền án: Không.
Tiền sự: 01. (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 497 ngày 29/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Đến nay Khu chưa chấp hành việc nộp phạt).

Nhân thân: Ngày 27/12/2023 bị Công an huyện P, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 1.500.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh T từ ngày 27/01/2026 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Ông Đinh Văn G, sinh năm 1980

Trú tại: Thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Bế Thị T, sinh năm 1968.

Trú tại: Thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh Ma Văn Đ1, sinh năm 1999.

Trú tại: Thôn T, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/9/2025, Bùi Xuân K điều khiển xe mô tô biển số đăng ký 97B1 – 354.00 của bà Dương Thị Đ (Mẹ của K) từ thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên đến chợ B thuộc thôn Đ, xã B, tỉnh Thái Nguyên thì gặp Ma Văn Đ1 (Sinh năm 1999. Trú tại: Thôn T, xã N, tỉnh Thái Nguyên) đứng trước cổng chợ. Sau đó, K chở Đ1 xuống bờ suối thuộc thôn N, xã B để rửa chân tay thì Khu nhìn thấy một đàn vịt (khoảng 10 con), lúc này K nảy sinh ý định trộm vịt đi bán lấy tiền nên nói với Đ1 "Trên kia có vịt có lấy không" ý là lấy trộm vịt, Đ1 trả lời "Lấy thì lấy" rồi Khu với Đ1 lội xuống suối lùa đàn vịt vào bờ và bắt được 06 con (mỗi người bắt được 03 con) cho vào bao tải (Bao tải lấy ở bờ suối) đặt lên xe mô tô, K điều khiển xe mô tô chở Đ1 đến nhà hàng T1 ở thôn N, xã B gặp bà Bế Thị T bán 06 con vịt được 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng), Khu chia cho Đ1 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền bán vịt có được Khu và Đ1 đã tiêu sài cá nhân hết. Cơ quan Công an đã tạm giữ được 06 con vịt Khu và Đ1 bán cho bà Bế Thị T.

Tại Kết luận số 03/KL-HĐĐGTSTX ngày 29/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên UBND xã B, tỉnh Thái Nguyên kết luận: 06 con vịt có tổng khối lượng 11kg trị giá 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng).

Bị cáo Bùi Xuân K đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của bản thân và bị cáo trước đó đã bị Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản tại Quyết định số 497 ngày 29/7/2024, đến ngày 15/9/2025 Khu chưa thi hành Quyết định xử phạt hành chính do không có điều kiện, khả năng nộp phạt. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

* Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn.

- Về vật chứng và tài sản liên quan trong vụ án:

+ Xác định 06 con vịt là tài sản của bị hại Đinh Văn G nên đã trả lại.

+ Chiếc xe mô tô biển số đăng ký 97B1 – 354.00 mà Bùi Xuân K sử dụng làm phương tiện trộm cắp xác định là tài sản của bà Dương Thị Đ nên không tiến hành tạm giữ.

+ Chiếc bao tải bà Bế Thị T đã đốt nên không thu giữ được.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại đã được trả lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo và Ma Văn Đ1 phải bồi thường.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bế Thị T không yêu cầu Bùi Xuân K, Ma Văn Đ1 bồi hoàn lại số tiền đã bỏ ra mua vịt.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSKV9 ngày 31/3/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên để xét xử Bùi Xuân K về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên giữa nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Xuân K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Xử phạt bị cáo Bùi Xuân K từ 9 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/01/2026.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Về vật chứng: Không có

Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo và bị cáo có đơn xin miễn án phí do vậy đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng

cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có cơ sở kết luận:

Ngày 15/9/2025, tại thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên Bùi Xuân K cùng Ma Văn Đ1 trộm của ông Đinh Văn G 06 con vịt có trị giá 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng). Lần trộm cắp này trị giá chưa đến 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng Bùi Xuân K đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, do vậy lần vi phạm này đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Ma Văn Đ1 chưa có tiền án, tiền sự nên hành vi không cấu thành tội phạm.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử nhận thấy việc bị cáo Bùi Xuân K bị Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Điều luật có nội dung:

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm.

……

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[3]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, do vậy bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và đảm bảo tính giáo dục, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả điều tra, xác minh cho thấy bị cáo Bùi Xuân K không có tài sản, không có việc làm, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Đinh Văn G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Bế Thị T không yêu cầu bị cáo và Ma Văn Đ1 bồi thường, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về vật chứng của vụ án:

+ 06 con vịt là tài sản của bị hại Đinh Văn G nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông G là phù hợp.

+ Chiếc xe mô tô biển số đăng ký 97B1 – 354.00 mà Bùi Xuân K sử dụng làm phương tiện trộm cắp xác định là tài sản của bà Dương Thị Đ, bà Đ không biết bị cáo sử dụng vào việc trộm cắp nên không tiến hành tạm giữ xử lý là có căn cứ.

+ Chiếc bao tải bà Bế Thị T đã đốt nên không thu giữ được.

[6]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát:

Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[7]. Xem xét, đánh giá hành vi khác của bị cáo và hành vi của những người liên quan.

Ngày 27/01/2026 cơ quan Công an phối hợp với Trung tâm y tế P, tiến hành xét nghiệm ma túy đối với Bùi Xuân K cho kết quả dương tính vưới ma túy, K khai nhận vào ngày 21/01/2026 mua một gói ma túy tại khu vực Trung tâm y tế B1, sau đó sử dụng trái phép gói ma túy này tại thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình xác minh xác định hành vi của Bùi Xuân K không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự nên không cấu thành tội phạm, Cơ

quan Cảnh sát điều tra chuyển đến Công an xã B, tỉnh Thái Nguyên để xử phạt hành chính là đúng quy định.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Bùi Xuân K, do Khu không rõ lai lịch người này nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Bà Bế Thị T (Sinh năm 1968. Trú tại: Thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên) không biết tài sản do Bùi Xuân K đem đến bán là tài sản do trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

Bà Dương Thị Đ (Sinh năm 1973. Trú tại: Thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên) là chủ sở hữu hợp pháp đối với chiếc xe mô tô biển số đăng ký ký 97B1 – 354.00, việc Bùi Xuân K lấy xe đi để làm phương tiện trộm cắp bà Đ không biết nên không xem xét xử lý.

Ma Văn Đ1 là người cùng Bùi Xuân K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng trị giá dưới 2.000.000 đồng, bản thân Đ1 không có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên không cấu thành tội phạm hình sự, Công an xã B, tỉnh Thái Nguyên đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ1.

[8]. Về án phí: Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, bị cáo có đơn xin miễn án phí, do vậy cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Bùi Xuân K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2]. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân K 9 (C) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/01/2026.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

[4]. Về vật chứng: Không có

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[6]. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt

tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:
- TAND tỉnh Thái Nguyên. (01b)
- VKSND tỉnh Thái Nguyên.(01b)
- VKSND khu vực 9 - Thái Nguyên. (01b)
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Thái Nguyên.(03b)
- Phòng THADS khu vực 9 - Thái Nguyên. (01b)
- Trại tạm giam số 02 - Công an tỉnh Thái Nguyên
- Công án xã Bằng Thành. (01b)
- Bị cáo. (01b)
- Bị hại. (01b)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. (02b)
- Lưu hs;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hà Thanh Tuấn